

Số: 10/2021/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy chế công bố thông tin
Công ty cổ phần Đầu tư Nhà đất Việt

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÀ ĐẤT VIỆT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP về quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán được chính phủ thông qua ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Nhà đất Việt.
- Căn cứ Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐQT ngày 03 / 12 /2021 của Hội đồng quản trị Công ty.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là “Quy chế công bố thông tin” của Công ty cổ phần Đầu tư Nhà đất Việt.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông/bà: Thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các Phòng/ban, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận: 

- Như điều 3;
- Ban kiểm soát (để biết);
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Quốc Huy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÀ ĐẤT VIỆT

VPro

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Hà nội, ngày 03 tháng 12 năm 2021

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÀ ĐẤT VIỆT

Căn cứ:

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
2. Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
4. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
5. Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Nhà đất Việt.

Điều 1. Mục đích của Quy chế

Quy chế công bố thông tin này được ban hành nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng với Công ty cổ phần Đầu tư Nhà đất Việt và các nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin được quy định trong:

- Thông tư 96/2020/TT-BTC;
- Quy chế công bố thông tin tại Sở GDCK Hà Nội;
- Và các quy định khác của pháp luật Việt Nam liên quan đến việc công bố thông tin có hiệu lực vào từng thời điểm.

Điều 2. Chữ viết tắt trong Quy chế

- | | |
|-------------|--|
| 1. UBCKNN: | Ủy ban chứng khoán Nhà nước |
| 2. SGDCK: | Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam |
| 3. TCTLKCK: | Tổng công ty lưu lý và bù trừ chứng khoán Việt Nam |
| 4. Công ty: | Công ty cổ phần Đầu tư Nhà đất Việt |
| 5. HĐQT: | Hội đồng quản trị |
| 6. BGĐ: | Ban Giám đốc |
| 7. CBTT: | Công bố thông tin |

Điều 3. Đối tượng công bố thông tin

Quy chế này được áp dụng cho các đối tượng sau đây:

1. Công ty.
2. Người nội bộ: Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm; Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát, Thư ký Công ty, người phụ trách quản trị Công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.
3. Người có liên quan: là tổ chức, cá nhân theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
4. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

5. Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

6. Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.

Điều 4. Nội dung Quy chế

1 Nguyên tắc CBTT

1.1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

1.2. Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

1.3. Các đối tượng CBTT khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.

1.4. Việc CBTT của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.

1.5. Các đối tượng CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm.

2. Ngôn ngữ CBTT

Ngôn ngữ thông tin công bố là tiếng Việt.

Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.

3. Người thực hiện công bố thông tin

1. Công ty thực hiện việc công bố thông tin qua Người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin của Công ty.

a. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do Người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà cả Người đại diện theo pháp luật và Người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của BGD có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin;

b. Công ty phải báo cáo hoặc báo cáo lại thông tin về người thực hiện CBTT cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện CBTT theo mẫu quy định tại Phụ lục I và Phụ lục III Thông tư 96.

4. Phương tiện báo cáo, CBTT

4.1. Phương tiện báo cáo, CBTT:

- a. Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;
- b. Hệ thống CBTT của UBCKNN;
- c. Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện CBTT khác theo Quy chế của SGDCK;
- d. Trang thông tin điện tử của TCTLKCK;
- e. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử ...).

4.2. Người CBTT và các cá nhân/bộ phận được phân công thực hiện CBTT của Công ty thông qua các phương tiện báo cáo, CBTT tại Điểm 4.1, Khoản 4, Điều 4 phải đảm bảo nguyên tắc:

- a. Chịu trách nhiệm bảo mật thông tin đăng ký bao gồm: tên truy cập, mật khẩu và các thông tin cần thiết khác để đăng nhập và thực hiện CBTT;
- b. Thực hiện CBTT theo đúng hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK và/hoặc TCTLKCK.

4.3. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

Điều 5: Tạm hoãn công bố thông tin

1. Công ty được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT), đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

Điều 6. Các loại báo cáo và CBTT

- 1. CBTT định kỳ theo quy định tại Phụ lục 01 đính kèm Quy chế này.
- 2. CBTT bất thường:

- CBTT bất thường 24 giờ theo quy định tại Mục I, Phụ lục 02 đính kèm Quy chế này.
- CBTT bất thường khác theo quy định tại Mục II, Phụ lục 02 đính kèm Quy chế này.

3. CBTT của các đối tượng khác:

- CBTT của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu của Công ty quy định tại Mục I, Phụ lục 03 đính kèm Quy chế này.
- CBTT của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ quy định tại Mục II, Phụ lục 03 đính kèm Quy chế này.

Điều 7. Quy trình công bố thông tin

1. Cung cấp thông tin

a. Khi phát sinh các thông tin cần công bố theo quy định, các phòng ban và cá nhân có liên quan thuộc Công ty phải ngay lập tức gửi thông tin đến Người CBTT theo thời gian quy định cho từng loại thông tin cần phải công bố;

b. Các bộ phận, cá nhân có liên quan phải đảm bảo thực hiện đúng các quy định hiện hành về thời gian nộp báo cáo, văn bản tài liệu CBTT cho UBCKNN, SGDCK, TCTLKCK và CBTT trên các phương tiện đại chúng.

2. Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin do các bộ phận có liên quan cung cấp, Người CBTT thực hiện theo trình tự:

- a. Kiểm tra thông tin;
- b. Đối chiếu với các quy định về CBTT;
- c. Soạn thảo văn bản CBTT theo quy định của pháp luật.

3. Trình Lãnh đạo phê duyệt

- a. Người CBTT trình Ban Lãnh đạo của Công ty xem xét, phê duyệt nội dung CBTT;
- b. Sau khi nội dung thông tin được phê duyệt, Người CBTT thực hiện công bố theo quy định.

4. Thực hiện CBTT

a. Người CBTT gửi văn bản CBTT đến UBCKNN, SGDCK, TCTLKCK (tùy theo yêu cầu của loại thông tin cần công bố), đăng tải nội dung CBTT trên trang thông tin điện tử của Công ty đúng yêu cầu về nội dung và thời hạn CBTT theo quy định của pháp luật;

b. Các bộ phận liên quan đã cung cấp thông tin có trách nhiệm kiểm tra ngay và thông báo cho Người CBTT nếu phát hiện thông tin đã công bố không chính xác để kịp thời điều chỉnh.

5. Bảo quản và lưu trữ thông tin

Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo và CBTT sẽ được lưu trữ tại Công ty theo quy định của pháp luật để phục vụ tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết của các nhà đầu tư.

6. Trách nhiệm của Người CBTT

a. Người CBTT có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty theo quy định tại Quy chế này và quy định của pháp luật.

b. Người CBTT có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ CBTT một cách cẩn trọng, trung thực và trách nhiệm.

7. Trách nhiệm cung cấp thông tin của các bộ phận, cá nhân liên quan

a. Người CBTT trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đơn đốc các bộ phận, cá nhân liên quan cung cấp thông tin theo nội dung Quy chế này;

b. Trường các phòng ban có liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của các thông tin cung cấp cho Người CBTT;

c. Việc CBTT liên quan đến HĐQT/BGĐ thì Thư ký Công ty theo dõi nghĩa vụ CBTT và cung cấp thông tin cho Người CBTT.

Điều 8. Hiệu lực Quy chế

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

2. Ban Giám đốc, các phòng ban và các cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

3. Trường hợp có các quy định pháp luật về công bố thông tin chưa được đề cập tại Quy chế này hoặc có các quy định pháp luật mới ban hành khác với Quy chế này thì các quy định của pháp luật sẽ được ưu tiên áp dụng.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời cho Lãnh đạo Công ty để được hướng dẫn và giải quyết ./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Quốc Huy

PHỤ LỤC 01
DANH MỤC TÀI LIỆU CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

STT	Báo cáo	Thời hạn CBTT	Biểu mẫu	Nơi tiếp nhận/dăng tải thông tin công bố
1	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Thời hạn công bố BCTC năm: Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Không được gia hạn. (Điểm c, Khoản 1, Điều 10)		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
2	Báo cáo tài chính bán niên đã được kiểm toán	Thời hạn công bố BCTC bán niên: Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính. (Điểm c, Khoản 2, Điều 14)		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
3	Báo cáo tài chính quý	Thời hạn công bố BCTC quý: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý. (Điểm c, Khoản 3, Điều 14)		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
4	Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều chỉnh hồi tố, công ty phải công bố thông tin	Trong thời hạn theo quy định của công bố BCTC năm, bán niên, quý (như quy định tại mục 1,2,3 nêu trên).		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty

	tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính			
<i>*BCTC đã được kiểm toán và phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.</i> <i>*Khi công bố BCTC năm, bán niên, quý phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</i> - LNST thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; - LNST trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - LNST trong cùng kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.				
5	Báo cáo thường niên	Công ty phải công bố báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại phụ lục IV trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm đã được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. (Khoản 2, Điều 10)	Theo mẫu quy định tại Phụ lục IV - Thông tư 96	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
6	Họp ĐHĐCĐ thường niên			
6.1	CBTT về việc họp ĐHĐCĐ và tài liệu họp	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ, Công ty phải công bố trên website, UBCKNN, Sở GDCK HN về việc họp ĐHĐCĐ, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm: thông báo mời họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, Tài liệu ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có). (Điểm a, Khoản 3, Điều		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty

		10)		
6.2	CBTT biên bản họp, nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên	Biên bản họp, nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố trong thời hạn 24 giờ . (Điểm b, Khoản 3, Điều 10)		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
7	Báo cáo quản trị	Công ty phải CBTT báo cáo tình hình quản trị Công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch. (Khoản 4, Điều 10)	Theo mẫu quy định tại Phụ lục V - Thông tư 96	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
8	Bản cung cấp thông tin về quản trị Công ty	- Báo cáo 06 tháng đầu năm: chậm nhất là ngày 30/07. - Báo cáo năm: chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo.	Quy chế CBTT HNX – Mẫu số 09	SGDCK
9	Báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn	- Báo cáo 06 tháng đầu năm: chậm nhất là ngày 30/07. - Báo cáo năm: chậm nhất là ngày 30/01 năm tiếp theo.	Quy chế CBTT HNX – Mẫu số 01	SGDCK

PHỤ LỤC 02
DANH MỤC TÀI LIỆU CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

STT	Báo cáo	Thời hạn CBTT	Biểu mẫu	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố
I	Bất thường 24 giờ			
1	Công ty phải CBTT bất thường 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:			
1.1	Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho UBCK NN, Sở GDCK HN trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. (Điểm b, Khoản 1, Điều 6)	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I, bản cung cấp thông tin theo mẫu Phụ lục III –TT96	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
1.2	Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
1.3	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoạch bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
1.4	Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. Tài liệu	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		UBCKNN, SGDCK,

	<i>công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</i>			Website Công ty
1.5	Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện việc mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
1.6	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
1.7	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty; con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
1.8	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty

	pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;			
1.9	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
1.10	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của công ty đại chúng; (Điểm j, Khoản 1, Điều 11)	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty

1.11	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin như sau: - Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm công ty báo cáo UBCK NN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ; - Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông;	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
1.12	Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời gửi cho UBCK, Sở GDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới; (Điểm 1, Khoản 1, Điều 11)	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III - Thông tư 96	UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
1.13	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất; (Điểm m, Khoản 1, Điều 11)	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty

1.14	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty;	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
1.15	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
1.16	Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
1.17	Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
1.18	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty;	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
1.19	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở GDCK nước ngoài; (Điểm s, Khoản 1, Điều 11)	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
1.20	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ. (Điểm a, Khoản 2, Điều 15)	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
1.21	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ). (Điểm b, Khoản 2, Điều 15)	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty

1.20	Quyết định vốn góp có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn). (Điểm c, Khoản 2, Điều 15)	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
<i>Khi công bố thông tin bất thường 24 giờ nêu trên, công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).</i>				
2	CBTT theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK			
2.1	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; (Điểm a, Khoản 1, Điều 12)	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
2.2	Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó. (Điểm b, Khoản 1, Điều 12)	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
<i>Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCK NN, Sở GDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).</i>				
II	CBTT bất thường khác			
1	CBTT về hợp ĐHĐCĐ bất thường			
1.1	CBTT về hợp ĐHĐCĐ bất thường và tài liệu hợp	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc hợp ĐHĐCĐ bất thường		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
1.2	CBTT về biên bản họp, nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành nghị quyết		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
2	Thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản (phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết)			
2.1	CBTT về việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và tài liệu lấy ý kiến:	Chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty

2.2	CBTT biên bản kiểm phiếu và nghị quyết ĐHĐCĐ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành nghị quyết		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
3	CBTT ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu			
	CBTT ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	-Trường hợp để tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. -Các trường hợp khác: Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
4	CBTT trong trường hợp đặc biệt			
	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp (Khoản 6, Điều 11-TT96)	Trong thời hạn 10 ngày , kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
5	CBTT về các hoạt động khác			
5.1	Về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn. (Khoản 1, Điều 13-TT96)	Thực hiện theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty

5.2	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (Khoản 2, Điều 13 –TT96)	Thực hiện theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.		UBCKNN, SGDCK, TCTLKCK, Website Công ty
5.3	CBTT về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ	- Thực hiện việc CBTT theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, hoặc bán cổ phiếu quỹ. CBTT 24 giờ. (Điểm k, Khoản 1, Điều 11- TT96) - Sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán. (Khoản 3, Điều 13)		UBCKNN, SGDCK, Website Công ty UBCKNN, SGDCK, Website Công ty
6	CBTT liên quan đến giao dịch chào mua công khai: Tổ chức, cá nhân chào mua công khai, công ty mục tiêu phải thực hiện CBTT theo quy định pháp luật về chào mua công khai, cụ thể:			
6.1	Công ty có trách nhiệm CBTT về việc nhận được đề nghị chào mua công khai của Tổ chức/cá nhân trên trang thông tin điện tử của Công ty.	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai.		Website Công ty

6.2	HĐQT Công ty phải CBTT cho cổ đông, nhà đầu tư trên trang điện tử của Công ty về đánh giá, khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai của Tổ chức/cá nhân; Đồng thời báo cáo UBCKNN. Đánh giá khuyến nghị của HĐQT Công ty đối với việc chào mua công khai cổ phiếu phải được thể hiện bằng văn bản. Trường hợp một hoặc một số thành viên HĐQT có ý kiến khác, HĐQT phải công bố kèm theo các ý kiến này.	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai.		UBCKNN Website Công ty
-----	--	---	--	---------------------------------------

PHỤ LỤC 03

DANH MỤC TÀI LIỆU CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC

STT	Báo cáo	Thời hạn CBTT	Biểu mẫu	Nơi tiếp nhận/đăng tải thông tin công bố
I	Công bố thông tin liên quan đến cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty			
1	Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo về việc trở thành cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu của Công ty	05 ngày làm việc kể từ thời điểm trở thành cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5%	Báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục VII	-UBCKNN - SGDCK -Website Công ty
2	Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo về việc không còn là cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu của Công ty	05 ngày làm việc kể từ thời điểm không còn là cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5%	Báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục VII	-UBCKNN - SGDCK -Website Công ty
3	Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo về việc thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% (áp dụng với cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu của Công ty)	05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch	Báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII	-UBCKNN - SGDCK -Website Công ty
4	Công ty CBTT về các trường hợp tại Điểm 1,2,3 Mục I nêu trên	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của các đối tượng tại Điểm 1,2,3 Mục I nêu trên		-Website Công ty

II	Công bố thông tin liên quan đến giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ			
1	Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ phải CBTT và báo cáo trước khi thực hiện giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác)	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc	Thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV	-UBCKNN - SGDCK -Website Công ty
2	Người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn sự kiện giao dịch	Báo cáo theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI	-UBCKNN - SGDCK -Website Công ty
3	Công ty CBTT về các trường hợp tại Điểm 1,2 Mục II nêu trên	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của các đối tượng tại Điểm 1,2 Mục II nêu trên		-Website Công ty